

KHOẢNG CÁCH TỪ “THẤU CẢM” ĐẾN “HÀNH ĐỘNG” TRONG TRỢ GIÚP NGƯỜI CAO TUỔI NEO ĐƠN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

Bùi Như Ý

Trường Đại học Lao động - Xã hội

giadinhgdtc2013@gmail.com

Tóm tắt: Trong bối cảnh già hóa dân số nhanh chóng, người cao tuổi (NCT) neo đơn tại Việt Nam đối mặt với tình trạng “đói nghèo tương tác” và cô lập xã hội. Bài viết tập trung giải mã nghịch lý giữa thấu cảm lý thuyết và hành động trợ giúp thực tế của cộng đồng tại tỉnh Phú Thọ. Thông qua khảo sát thực chứng, nghiên cứu chỉ ra một “khoảng cách” đáng kể, chỉ số thấu cảm của cư dân đạt mức cao ($M = 4.43$), nhưng mức độ sẵn lòng thực hiện hỗ trợ cụ thể lại có sự đứt gãy lớn. Kết quả nhận diện các “điểm nghẽn” chính gồm: thiếu hụt kỹ năng chăm sóc, áp lực thời gian và rủi ro pháp lý. Nhóm học vấn cao có chỉ số thấu cảm lớn nhất nhưng lại ít hành động trực tiếp nhất do xu hướng phân tích chi phí cơ hội. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các hàm ý chính sách, bao gồm: chuyển dịch sang mô hình “Mạng lưới tương trợ láng giềng”, số hóa dữ liệu an sinh và thiết lập hành lang pháp lý bảo vệ người trợ giúp. Kết luận, nghiên cứu góp phần chuyển hóa lòng trắc ẩn thành cam kết cụ thể, giúp lấp đầy khoảng trống chăm sóc trong bối cảnh đô thị hóa.

Từ khóa: Người cao tuổi neo đơn, thấu cảm, hành động trợ giúp, an sinh cộng đồng

THE GAP BETWEEN “EMPATHY” AND “ACTION” IN SUPPORTING THE LONELY ELDERLY IN PHU THO PROVINCE

Abstract: In the context of rapid population aging, the lonely elderly in Vietnam are facing “interaction poverty” and social isolation. This paper focuses on decoding the paradox between theoretical empathy and actual communal support actions in Phu Tho province. Through empirical surveys, the research identifies a significant “gap”: while the empathy index among residents is high ($M = 4.43$), there is a major fracture in the willingness to provide specific support. The results identify key “bottlenecks” including a lack of caregiving skills, time pressure, and legal risks. Notably, the highly educated group exhibits the highest empathy index but the fewest direct actions due to a tendency to analyze opportunity costs. Based on these findings, the paper proposes several policy implications: shifting toward a “Neighborhood Support Network” model, digitizing social security data, and establishing a legal framework to protect caregivers. In conclusion, the study contributes to transforming compassion into concrete commitments, helping to bridge the care gap amidst rapid urbanization.

Keyword: Lonely elderly, empathy, helping behavior, community welfare.

Mã bài báo: JHS - 330

Ngày nhận bài sửa: 08/04/2026

Ngày nhận bài: 18/03/2026

Ngày duyệt đăng: 20/4/2026

Ngày nhận phản biện: 30/03/2026

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên của thế kỷ XXI, Việt Nam đang đối mặt với một trong những thách thức xã hội lớn, đó là tốc độ già hóa dân số nước ta thuộc hàng nhanh nhất thế giới (World Bank, 2021). Theo dự báo của Tổng cục Thống kê, Việt Nam bước vào thời kỳ dân số già vào năm 2036. Sự thay đổi về cấu trúc nhân khẩu học này gây áp lực lên hệ thống an sinh xã hội quốc gia và làm biến đổi sâu sắc cấu trúc gia đình truyền thống (Anh, 2020). Xu hướng chuyển dịch từ gia đình đa thế hệ sang gia đình hạt nhân, cùng với làn sóng di cư lao động, đã tạo ra một nhóm đối tượng đặc biệt dễ bị tổn thương là NCT neo đơn (Văn & Huyền, 2022).

Về mặt nhận thức, NCT neo đơn là những người thiếu hụt sự chăm sóc về mặt vật chất, do đó mà rơi vào tình trạng “đói nghèo tương tác” và cô lập xã hội (WHO, 2021; Quỳnh, 2023). Tại những địa phương đang trong quá trình đô thị hóa mạnh mẽ như tỉnh Phú Thọ, sự đứt gãy các mối liên kết xóm giềng truyền thống càng khiến tình cảnh của họ trở nên bất bình hơn (Bantry-White et al, 2022). Trong bối cảnh các nguồn lực chính thức từ nhà nước (như các trung tâm bảo trợ) còn hạn chế (Mến, 2020), vai trò của “nguồn lực phi chính thức” từ cộng đồng cư dân tại chỗ trở thành chốt chặn an sinh quan trọng nhất (Lan, 2020).

Tuy nhiên, có một thực tế nghịch lý đang tồn tại, đó là các giá trị đạo đức truyền thống về “kính lão đắc thọ” và tinh thần “tương thân tương ái” vẫn được duy trì bền vững trong tâm thức người Việt (Ngân & Thủy, 2023), nhưng quá trình chuyển hóa những cảm xúc này thành hành động hỗ trợ thực tế lại gặp nhiều rào cản. Có một khoảng cách đáng kể giữa sự thấu cảm (về mặt nhận thức, thái độ) và hành động (về mặt thực thi, cam kết) của cộng đồng đối với NCT neo đơn (Alici & Kalanlar, 2021). Người dân có thể rất cảm thông, thương xót trước hoàn cảnh của một cụ già không nơi nương tựa, nhưng khi cần một sự hỗ trợ cụ thể, thường xuyên và có trách nhiệm, họ lại có xu hướng e ngại hoặc thoái thác (Chen et al, 2024).

Vậy, đâu là nguyên nhân tạo nên “khoảng cách” này? Liệu đó là do áp lực kinh tế, sự thiếu hụt kỹ năng chăm sóc, hay do sự thiếu vắng một cơ chế kết nối cộng đồng đủ tin cậy?

Xuất phát từ thực tế đó, bài viết tập trung vào phân tích nghịch lý giữa thấu cảm lý thuyết và hành động trợ giúp thực tế đối với NCT neo đơn tại tỉnh Phú Thọ. Trong đó, tập trung vào đánh giá mức độ nhận thức của cư dân địa phương về những rào cản sinh kế và tâm lý mà NCT đơn thân đang đối mặt, đồng thời

làm rõ những mâu thuẫn giữa thái độ và sự sẵn lòng trợ giúp của các nhóm đối tượng khác nhau. Qua nhận diện các hạn chế về nguồn lực và tâm lý xã hội, bài viết đề xuất các mô hình kết nối cộng đồng khả thi, giúp chuyển hóa lòng trắc ẩn thành những cam kết hỗ trợ cụ thể, góp phần xây dựng mạng lưới an sinh xã hội dựa vào cộng đồng bền vững.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra mạnh mẽ, vấn đề NCT neo đơn và sự hỗ trợ từ cộng đồng đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách tại Việt Nam. Tổng quan các công trình liên quan có thể chia thành các nhóm nội dung chính sau:

Người cao tuổi neo đơn

NCT neo đơn phản ánh tính trạng những người từ 60 tuổi trở lên sống một mình, không có vợ/chồng hoặc con cái và là những cá nhân thiếu hụt sự chăm sóc vật chất, thiếu các mối quan hệ và tương tác xã hội, đứt gãy các kết nối với mạng lưới gia đình, cộng đồng (WHO, 2021; Chen và nnk., 2024).

Tại Việt Nam, tốc độ già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng, dự báo quốc gia sẽ chính thức bước vào thời kỳ dân số già vào năm 2036 (World Bank, 2021). Sự thay đổi này cùng với xu hướng chuyển dịch từ gia đình đa thế hệ sang gia đình hạt nhân đã làm gia tăng nhóm NCT neo đơn, đó là những người đối mặt với tình trạng “đói nghèo tương tác” và cô lập xã hội (WHO, 2021; Văn & Huyền, 2022). Nghiên cứu của Quỳnh (2023) chỉ ra, sự cô đơn có tác động tiêu cực trực tiếp đến sức khỏe tinh thần của NCT, trong khi các mạng lưới an sinh phi chính thức tại cộng đồng chưa đủ mạnh để khóa lấp “khoảng trống chăm sóc” này (Dương & Nga, 2025; Lan, 2020). Tại những địa phương đang đô thị hóa như Phú Thọ, sự đứt gãy liên kết xóm giềng truyền thống khiến nhóm đối tượng này càng trở nên dễ bị tổn thương hơn trước các rủi ro về sức khỏe và an sinh y tế (Bantry-White et al., 2022; Chen et al., 2024)

Hệ thống an sinh xã hội và khoảng trống chăm sóc

Các nghiên cứu của nhiều học giả đã chỉ ra những thách thức mang tính hệ thống khi các chính sách trợ giúp xã hội chính thức hiện nay vẫn chưa bao phủ hết các nhu cầu đa dạng của nhóm NCT dễ bị tổn thương (National Academies of Sciences, 2020; Mến, 2020). Nghiên cứu của (World Bank, 2021; Anh, 2020) đề cập một thực trạng phổ biến, hệ thống an sinh hiện hành thường ưu tiên các hỗ trợ tài chính định kỳ, trong khi các nhu cầu thiết yếu mang tính phi vật chất, như:

chăm sóc sức khỏe tinh thần và tương tác xã hội vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

Đồng quan điểm, các phân tích về biến đổi cấu trúc xã hội tại Việt Nam chỉ ra, sự suy giảm của mô hình gia đình truyền thống (gia đình đa thế hệ) đang tạo ra một “khoảng trống chăm sóc” (Dương & Nga, 2025; Ngân & Thủy, 2023). Khi chức năng chăm sóc của gia đình bị thu hẹp do quá trình đô thị hóa và di cư lao động, các nguồn lực phi chính thức từ mạng lưới cộng đồng và láng giềng được kỳ vọng trở thành cơ chế bù đắp thiết yếu (Lan, 2020; Thủy, 2021). Sự kích hoạt các nguồn lực này giúp giảm tải cho ngân sách nhà nước, đảm bảo cơ hội tiếp cận các dịch vụ an sinh xã hội tại cơ sở cho NCT neo đơn.

Sự chuyển dịch trong nhận thức và thái độ cộng đồng đối với NCT

Các hướng nghiên cứu truyền thống tại Việt Nam thường tiếp cận nhận thức cộng đồng đối với NCT thông qua lăng kính đạo lý truyền thống và sự tôn kính. Tuy nhiên, các báo cáo nghiên cứu đương đại đã bắt đầu dịch chuyển sang phân tích trong khuôn khổ “hệ sinh thái chăm sóc” (Hương, 2025; Jarvis et al., 2020). Trong mô hình này, sự thấu cảm được định nghĩa như một trạng thái cảm xúc, phản ánh một ý nghĩa về trách nhiệm xã hội và thực thi quyền con người (WHO, 2021).

Mặc dù các khảo sát tại những đô thị lớn cho thấy sự thay đổi tích cực trong thái độ của giới trẻ thể hiện qua cái nhìn cởi mở hơn đối với các dịch vụ dưỡng lão chuyên nghiệp, nhưng thực tế vẫn tồn tại một sự đứt gãy hành vi (Chen et al., 2024; Alici & Kalanlar, 2021). Điều đó phản ánh sự sẵn lòng không đồng nhất giữa các nhóm tuổi và tầng lớp xã hội khi tham gia các hoạt động tình nguyện tại địa phương. Nghiên cứu của các học giả chỉ ra rằng, nhận thức tích cực về mặt thái độ chưa chắc đã dẫn đến sự cam kết hành động bền vững, nhất là trong bối cảnh các giá trị về trách nhiệm cộng đồng đang chịu tác động mạnh mẽ từ chủ nghĩa cá nhân và áp lực kinh tế đô thị (Lundqvist & Jansson, 2023; Swift et al., 2016).

Các mô hình trợ giúp dựa vào cộng đồng

Xu hướng nghiên cứu đương đại đang chứng kiến sự dịch chuyển mạnh mẽ từ các mô hình cứu trợ tập trung, dựa vào thể chế sang các giải pháp bền vững và phi tập trung. Trọng tâm của sự thay đổi này là học thuyết “lão hóa tạo chỗ”. Học thuyết này đề cao vai trò của các mô hình chăm sóc bán trú và trung tâm sinh hoạt cộng đồng ban ngày để duy trì kết nối xã hội cho NCT (HelpAge International, 2018).

Các học giả trong lĩnh vực này lập luận, giải pháp cho nhóm NCT neo đơn không thể chỉ dựa vào nguồn ngân sách nhà nước (vốn hữu hình), bởi nguồn lực này thường bị giới hạn vào các thủ tục hành chính và định mức tài chính (Mến, 2020). Do đó, cần kích hoạt “vốn xã hội”, cụ thể là mạng lưới thấu cảm và hành vi tương trợ tự nguyện của cư dân địa phương (Lan, 2020; Feng Tong et al., 2021). Đây được xem là nguồn lực nội sinh quan trọng, giúp lấp đầy khoảng trống dịch vụ, tạo ra tính bền vững cho hệ thống an sinh xã hội cấp cơ sở thông qua các cam kết đạo đức phi chính thức.

Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù các nghiên cứu trước đã phác thảo khung chính sách và các mô hình lý thuyết, nhưng vẫn tồn tại những khoảng trống cần giải quyết sau:

Các nghiên cứu trước đây thường tập trung vào là đô thị hoặc nông thôn mà chưa có nhiều công trình đi sâu phân tích cơ chế chuyển hóa tâm lý tại các địa bàn đang trong quá trình đô thị hóa nhanh như tỉnh Phú Thọ khiến cho các giá trị cộng đồng truyền thống đang chịu áp lực từ lối sống đô thị hiện đại.

Hiện thiếu các dữ liệu thực chứng phân tích tại sao một cộng đồng có chỉ số thấu cảm cao và nền tảng đạo đức “kính lão” bền vững nhưng hành động trợ giúp thực tế lại chưa thực sự nhiều.

Do vậy, bài viết này tập trung nhận diện và phân tích các rào cản đối với quá trình chuyển hóa từ trạng thái tâm lý sang hành vi hỗ trợ cụ thể, từ đó đề xuất các giải pháp can thiệp dựa trên đặc thù văn hóa - xã hội địa phương.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp tiếp cận hỗn hợp, kết hợp giữa nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính nhằm đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của dữ liệu trên phạm vi địa bàn tỉnh.

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng khảo sát bằng bảng hỏi: Người dân trong độ tuổi lao động (từ 18 đến 60 tuổi) đang sinh sống và làm việc tại các khu vực khác nhau trên địa bàn tỉnh (bao gồm cả khu vực thành thị như Việt Trì, thị xã Phú Thọ và các khu vực nông thôn).

Đối tượng phỏng vấn sâu. NCT neo đơn, cán bộ hội NCT và các tình nguyện viên cộng đồng tại địa phương.

3.2. Phương pháp thu thập dữ liệu

Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi

Khảo sát được thực hiện trên 133 mẫu đại diện cho cộng đồng cư dân tại tỉnh Phú Thọ. Mẫu được lựa chọn theo phương pháp ngẫu nhiên phân tầng để đảm

bảo sự cân đối về giới tính (41,4% nam, 58,6% nữ) và đa dạng về độ tuổi, nghề nghiệp.

Bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức độ được thiết kế dựa trên sự kế thừa có chọn lọc từ các khung lý thuyết tâm lý học hành vi và an sinh xã hội để đánh giá: (1) Nhận thức về hoàn cảnh của NCT neo đơn; (2) Thái độ và sự thấu cảm; (3) Ý định hành vi và hành động trợ giúp thực tế. Cụ thể:

Thang đo này được xây dựng dựa trên khung lý thuyết về “Đời nghèo tương tác” và “Cò lập xã hội” của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 2021) và các chỉ báo về rào cản sinh kế tại Việt Nam. Thang đo tập trung đánh giá mức độ nhận diện của cộng đồng về những thiếu hụt vật chất, tinh thần và rào cản y tế mà NCT đang đối mặt.

Dựa theo lý thuyết “Hệ sinh thái chăm sóc” (Jarvis et al., 2020) và thang đo thái độ đối với sự lão hóa của Alici & Kalanlar (2021), thang đo này sử dụng các biến quan sát tập trung để đo lường lòng trắc ẩn, nhận thức về trách nhiệm đạo đức và việc nhìn nhận NCT như một nguồn giá trị xã hội.

Theo đó, thang đo Likert 5 mức độ (từ 1 - Rất không đồng ý đến 5 - Rất đồng ý) giúp lượng hóa các

trạng thái tâm lý phức tạp thành dữ liệu số, cho phép so sánh giá trị trung bình (Mean) và kiểm chứng các biến số nhân khẩu học đối với khoảng cách trợ giúp.

Phương pháp phỏng vấn sâu

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu đối với 10 cá nhân tiêu biểu nhằm giải mã những rào cản tâm lý và xã hội đằng sau các con số thống kê. Các cuộc phỏng vấn tập trung vào việc tìm hiểu lý do tại sao sự thấu cảm chưa chuyển hóa thành hành động thường xuyên.

3.3. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng phần mềm thống kê để làm sạch và phân tích dữ liệu đồng thời áp dụng các kỹ thuật thống kê mô tả (tần suất, tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình - Mean) để so sánh mức độ nhận thức và hành động giữa các nhóm đối tượng khác nhau trên địa bàn tỉnh.

Các nội dung phỏng vấn được gỡ băng, mã hóa và phân tích theo chủ đề để minh chứng cho các lập luận về “khoảng cách” giữa tâm lý và thực tiễn trợ giúp.

3.4. Đặc điểm khách thể khảo sát

Nghiên cứu được thực hiện trên mẫu khảo sát gồm 133 cá nhân đang sinh sống và làm việc trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (bảng 1).

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của mẫu khảo sát (n=133)

Đặc điểm	Phân loại	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	55	41,4
	Nữ	78	58,6
Độ tuổi	Dưới 35 tuổi	42	31,6
	Từ 35 đến 50 tuổi	61	45,9
	Trên 50 tuổi	30	22,5
Trình độ học vấn	Dưới THPT	25	18,8
	THPT/Trung cấp	48	36,1
	Cao đẳng/Đại học trở lên	60	45,1
Nghề nghiệp	Cán bộ, công chức, viên chức	38	28,6
	Lao động tự do/Kinh doanh	52	39,1
	Công nhân/Nông dân	28	21,0
	Khác (Sinh viên, nội trợ...)	15	11,3

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2026

Mẫu khảo sát có sự tham gia của nữ giới cao hơn nam giới (58,6%). Nhóm tuổi từ 35-50 chiếm tỷ trọng lớn nhất (45,9%). Tỷ lệ người có trình độ cao đẳng, Đại học trở lên chiếm 45,1% và lao động tự do/kinh doanh chiếm 39,1%. Đây là nền tảng dữ liệu để nghiên cứu đi sâu phân tích thực trạng nhận thức và thái độ

của cộng đồng, bóc tách những nguyên nhân tạo nên khoảng cách giữa tâm lý thấu cảm và hành vi hỗ trợ thực tế.

4. Kết quả

4.1. Phân tích mức độ thấu cảm của cộng đồng đối với người cao tuổi neo đơn tại tỉnh Phú Thọ

Dựa trên khung lý thuyết và đặc điểm nhân học của mẫu khảo sát, phần này tập trung phân tích sự tương tác về mặt tâm lý xã hội giữa cộng đồng cư dân

và NCT neo đơn. Trong đó, sự thấu cảm được xem xét như một chỉ báo về “vốn tinh thần” của địa phương trong hỗ trợ các nhóm yếu thế (bảng 2).

Bảng 2. Nhận thức và thái độ của cộng đồng đối với NCT neo đơn (n=133)

Các chỉ báo đo lường sự thấu cảm	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
NCT neo đơn đối mặt với sự cô đơn và thiếu thốn tình cảm	4,52	0,58
Chăm sóc NCT neo đơn là thước đo sự văn minh của cộng đồng	4,46	0,62
NCT neo đơn gặp nhiều rào cản trong tiếp cận dịch vụ y tế	4,38	0,71
NCT vẫn là nguồn tri thức và kinh nghiệm quý báu cho xã hội	4,42	0,65
Cộng đồng có trách nhiệm hỗ trợ NCT neo đơn	4,35	0,69
Giá trị trung bình chung	4,43	

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2026; thang đo Likert 5 mức độ

Bảng 2 cho thấy mức độ thấu cảm của cộng đồng đạt giá trị trung bình rất cao ($M = 4,43$). Trong đó, chỉ báo “NCT neo đơn đối mặt với sự cô đơn và thiếu thốn tình cảm” nhận được mức đồng thuận cao nhất ($M = 4,52$). Điều này phản ánh sự nhạy cảm của cộng đồng tại Phú Thọ đối với những tổn thương tâm lý của NCT đơn thân, đồng thời cho thấy sự thấu cảm đã chạm đến khía cạnh cảm xúc sâu sắc. Chia sẻ từ một người dân tại thành phố Việt Trì cho thấy:

“Nhìn các cụ cả ngày quanh quẩn ra vào trong bốn bức tường, cơm nước một mình, ốm đau không ai hay, tôi thấy xót xa lắm. Cái nghèo vật chất có khi không đáng sợ bằng cái nghèo tinh cảm, sự cô đơn ở cái tuổi gần đất xa trời nó như một bản án vậy” (Nữ, 42 tuổi, tiểu thương).

Bên cạnh đó, nhận thức coi chăm sóc NCT là “thước đo sự văn minh của cộng đồng” ($M = 4,46$) đã khẳng định, trong hệ giá trị của cư dân địa phương, lòng thấu cảm được thể chế hóa thành một chuẩn mực đạo đức. Kết quả cũng chỉ ra, cộng đồng nhìn nhận NCT là “nguồn tri thức” ($M = 4,42$), mà không phải là “đối tượng thụ động” hay gánh nặng xã hội. Nhận thức này góp phần thay đổi vị thế của NCT từ người nhận trợ giúp sang chủ thể có giá trị trong cấu trúc xã hội địa phương. Một cán bộ hội phụ nữ tại huyện Lâm Thao (cũ) nhấn mạnh:

“Chúng tôi không coi việc giúp đỡ các cụ là ban ơn. Các cụ như kho tàng sống về kinh nghiệm và đạo đức cho con cháu. Khi cộng đồng cùng nhau chăm lo cho người già, chính là chúng ta đang xây dựng một nền móng đạo

đức từ thế hệ trẻ soi vào” (Nữ, 51 tuổi, cán bộ địa phương).

Sự đồng thuận cao (thể hiện qua độ lệch chuẩn thấp, SD dao động từ 0,58 đến 0,71) cho thấy một nền tảng tâm lý xã hội đồng nhất và thuận lợi cho các hoạt động hỗ trợ xã hội. Tuy nhiên, theo lý thuyết về hành vi xã hội, sự tồn tại của lòng thấu cảm (khía cạnh nhận thức và thái độ) không luôn đồng nhất với hành vi hỗ trợ thực tế. Một tình nguyện viên trẻ tại địa phương chia sẻ:

“Thấy các cụ khổ thì ai cũng thương, cũng muốn làm gì đó. Nhưng thú thực, từ lúc thương đến lúc bắt tay vào giúp thường xuyên lại là chuyện khác. Chúng tôi vướng bận đi làm, lại sợ mình không có chuyên môn y tế, lỡ xảy ra chuyện gì trong lúc giúp đỡ thì trách nhiệm rất nặng nề” (Nam, 26 tuổi, công nhân).

Do đó, mức độ chuyển hóa từ “thấu cảm” sang “hành động trợ giúp” cụ thể sẽ tiếp tục được kiểm chứng thông qua các phân tích về tần suất hành vi ở các nội dung tiếp theo.

4.2. Các rào cản đối với hành động trợ giúp thực tế cho người cao tuổi neo đơn

Mặc dù mức độ thấu cảm của cộng đồng đạt chỉ số cao, song kết quả nghiên cứu cho thấy có một sự đứt gãy đáng kể khi chuyển từ nhận thức sang hành vi thực tế. Khoảng cách giữa thấu cảm và hành động này được hình thành bởi hệ thống rào cản đa tầng, từ các yếu tố nguồn lực khách quan đến các rào cản tâm lý chủ quan.

Bảng 3. Các rào cản chính khiến cộng đồng chưa thực hiện hành động trợ giúp (n=133)

Loại rào cản	Tỷ lệ lựa chọn	Thứ tự ưu tiên
Thiếu thời gian do áp lực công việc/gia đình	64,7%	1
Thiếu kiến thức, kỹ năng chăm sóc NCT	42,1%	2
E ngại các trách nhiệm pháp lý và rủi ro sức khỏe	35,8%	3
Không có kênh thông tin kết nối tin cậy	31,5%	4
Khó khăn về tài chính cá nhân	28,2%	5

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2026

Bảng 3 chỉ ra, nguồn lực thời gian là rào cản lớn nhất (64,7%). Trong bối cảnh kinh tế thị trường tại Phú Thọ, nhóm dân cư trong độ tuổi lao động đang chịu áp lực kép về sinh kế và chăm sóc gia đình hạt nhân. Do đó, các hành động trợ giúp đòi hỏi sự cam kết lâu dài và bền bỉ, như: chăm sóc y tế hay hỗ trợ sinh hoạt hằng ngày thường bị hạn chế, nhường chỗ cho các hình thức thăm hỏi xã giao mang tính thời điểm. Một nam giới làm việc tại khu công nghiệp Thụy Vân chia sẻ:

“Đi làm từ sáng sớm đến tối mịt mới về, việc nhà của con cái đã chiếm hết thời gian rồi. Biết cụ hàng xóm neo đơn, thỉnh thoảng cuối tuần tôi chỉ sang hỏi thăm vài câu thôi. Chứ bảo ngày nào cũng sang đỡ dần cơm nước hay túc trực lúc cụ ốm đau thì thực sự lực bất tòng tâm” (Nam, 34 tuổi, công nhân).

Đáng lưu ý, rào cản về năng lực và tâm lý chiếm tỷ trọng đáng kể. Khoảng 42,1% người trả lời cho biết họ thiếu kỹ năng chuyên môn về chăm sóc NCT (sơ cứu, tâm lý học lão khoa). Điều này tạo ra ngưỡng e ngại tâm lý, đó là cá nhân có lòng tốt nhưng lo sợ hành động không đúng cách sẽ gây ra hệ lụy tiêu cực cho đối tượng. Một phụ nữ tại huyện Thanh Ba (cũ) cho biết:

“Người già như ngọn đèn trước gió, xương cốt yếu mà tâm tính cũng thất thường. Mình muốn giúp cụ tắm rửa hay xoa bóp lúc trái gió trở trời nhưng lại sợ mình làm sai kỹ thuật khiến cụ đau thêm hoặc ngã ra đấy thì mang tội. Lòng tốt thôi chưa đủ, phải có nghề mới dám làm” (Nữ, 45 tuổi, nội trợ).

Bên cạnh đó, các vấn đề về trách nhiệm pháp lý (35,8%) và sự thiếu hụt cơ chế kết nối thông tin (31,5%) cũng đã tạo nên những “vùng xám” trong công tác hỗ trợ dựa vào cộng đồng. Người dân có xu hướng sẵn lòng giúp đỡ về vật chất (bữa cơm, nhu yếu phẩm), nhưng ngần ngại can thiệp sâu vào các vấn

để thủ tục pháp lý hoặc bảo lãnh viện phí cho người không cùng huyết thống. Một cán bộ hưu trí nhận định:

“Nếu không có đại diện chính quyền hay tổ dân phố đứng ra làm chứng, nhỡ chẳng may có chuyện gì khẩn cấp xảy ra với các cụ lúc mình đang ở cạnh, người thân ở xa về họ bắt bẻ thì mình biết thanh minh thế nào?” (Nam, 62 tuổi, cán bộ hưu trí).

Kết quả nghiên cứu theo đó phản ánh tình trạng “thấu cảm thụ động” trong cộng đồng. Điểm đáng chú ý là khó khăn về tài chính chỉ xếp vị trí thứ 5 (28,2%). Điều này cho thấy rào cản thực sự không nằm ở nguồn vốn kinh tế mà ở cơ chế vận hành và điều phối xã hội. Dữ liệu phỏng vấn sâu sau đây củng cố thêm cho luận điểm này:

“Thấy cụ ở một mình ốm đau mình cũng thương lắm... nhưng lại sợ ngộ nhỡ dọc đường cụ có vấn đề gì thì mình biết giải thích sao với chính quyền... Một mình mình không gánh.” (Nữ, 38 tuổi).

Lời chia sẻ này minh chứng cho hiện tượng khuếch tán trách nhiệm khi thiếu vắng vai trò điều phối của các tổ chức đoàn thể địa phương. Chính sự thiếu hụt về hành lang pháp lý bảo vệ người tình nguyện và các kênh thông tin chính thống đã biến lòng thấu cảm thành một trạng thái tâm lý tĩnh mà chưa thể bứt phá thành các nguồn lực an sinh xã hội thực chất tại tỉnh Phú Thọ.

4.3. Các yếu tố tác động đến khoảng cách giữa thấu cảm và hành động trợ giúp người cao tuổi neo đơn

Nghiên cứu chỉ ra rằng, “khoảng cách” từ thấu cảm đến hành động là kết quả của sự tương tác phức tạp giữa các đặc điểm nhân khẩu học, cơ chế tâm lý xã hội và cấu trúc vốn xã hội tại địa phương. Kết quả khảo sát phản ánh có 4 nhóm yếu tố sau:

Biến số nhân khẩu học và “Gánh nặng kép”

Kết quả kiểm định cho thấy có sự chuyển hóa không đồng nhất giữa ý định và khả năng thực hiện dựa trên độ tuổi và giới tính.

Về độ tuổi, nhóm dưới 35 tuổi thể hiện chỉ số thấu cảm cao nhưng hành động thực tế thấp do sự thiếu ổn định về nơi cư trú và kinh nghiệm chăm sóc. Ngược lại, nhóm trung niên (36-50 tuổi) dù sở hữu nguồn lực tốt hơn nhưng lại đối mặt với “gánh nặng kép”, đó là vừa đảm bảo kinh tế gia đình, vừa chăm sóc con cái nên nhóm xã hội này đẩy việc hỗ trợ cộng đồng xuống hàng ưu tiên thấp trong bảng phân bổ thời gian.

Về giới tính, nữ giới có điểm trung bình thấu cảm cao hơn nam giới (0,15 điểm), nhưng hành động thực tế bị hạn chế bởi định kiến giới truyền thống. Gánh nặng nội trợ khiến họ khó lòng thực hiện các cam kết hỗ trợ cộng đồng mang tính dài hạn và bền vững.

Hiệu ứng khuếch tán trách nhiệm

Trong tiến trình đô thị hóa tại Phú Thọ, tâm lý cộng đồng đang có sự dịch chuyển. Hiệu ứng “người đứng xem” đang dần thay thế cho tinh thần tương trợ làng xã truyền thống. Một người dân sống tại khu đô thị mới ở thành phố Việt Trì chia sẻ:

“Ngày xưa ở làng, nhà ai có việc gì là cả xóm biết, ai cũng xúm vào một tay. Giờ ra phố, nhà nào biết nhà nấy, cửa đóng then cài suốt ngày. Thấy cụ già nhà bên lúi thủi mình cũng thương, nhưng lại nghĩ chắc phường xã họ có trợ cấp, hay hội người cao tuổi họ chăm lo rồi, mình là người đứng tự nhiên vào can thiệp sâu lại sợ bị coi là tò mò, phiền phức (Nam, 47 tuổi, viên chức).

Khi cá nhân nhận thấy cộng đồng xung quanh đều

bày tỏ sự thấu cảm nhưng không ai tiên phong hành động, họ có xu hướng tin rằng đây là trách nhiệm của các cơ quan chức năng hoặc hội đoàn thể. Điều này dẫn đến trạng thái “thấu cảm thụ động”, nghĩa là, cộng đồng cảm thấy thương xót về mặt cảm xúc nhưng không nảy sinh nghĩa vụ đạo đức phải can thiệp trực tiếp. Một phụ nữ tại địa phương bày tỏ tâm lý e dè khi thiếu người dẫn dắt:

“Thấy mọi người xung quanh ai cũng nói tội nghiệp cụ, khổ thân cụ, nhưng rồi ai cũng bận việc nấy, chẳng ai đứng ra kêu gọi hay làm gì cả. Thế nên mình cũng chần chừ, mình nghĩ nếu việc đó là quan trọng thì hẳn là tổ dân phố hay nhà nước đã phải có ý kiến rồi. Một mình mình đứng ra làm thì vừa ngại với hàng xóm, vừa sợ gánh trách nhiệm quá sức.” (Nữ, 35 tuổi, kinh doanh tự do).

Sự khuếch tán trách nhiệm này càng trở nên rõ rệt hơn khi các liên kết cộng đồng bị nối lỏng bởi lối sống đô thị. Một vị đại diện chi hội NCT tại địa phương nhận định:

“Lòng tốt của người dân mình vẫn còn đó, nhưng nó đang bị đóng băng. Họ cần một cái mồi lửa, một sự kết nối chính thức. Nếu có một nhóm đứng ra làm đầu tàu, tôi tin lòng thấu cảm sẽ bùng lên thành hành động ngay. Hiện tại, ai cũng đang đứng xem và chờ đợi một sự sắp xếp từ phía trên.” (Nam, 68 tuổi, cán bộ hưu trí).

Tương quan nghịch giữa trình độ học vấn và hành vi thực tế

Một phát hiện đáng chú ý được trình bày trong bảng 4 cho thấy xu hướng tỉ lệ nghịch giữa học vấn và hành động thực tế

Bảng 4. Tương quan giữa trình độ học vấn và mức độ sẵn lòng hành động (n=133)

Trình độ học vấn	Chỉ số thấu cảm (Mean)	Chỉ số hành động thực tế (Mean)	Khoảng cách
Dưới THPT	4,12	3,85	0,27
THPT/Trung cấp	4,35	3,52	0,83
Cao đẳng/Đại học trở lên	4,58	3,15	1,43

Nguồn: Kết quả khảo sát, 2026; thang đo Likert 5 mức độ

Nhóm có trình độ học vấn cao sở hữu chỉ số thấu cảm lý thuyết sâu sắc nhất ($M = 4,58$), nhưng lại có chỉ số hành động thấp nhất ($M = 3,15$). Về mặt tâm lý học hành vi, nhóm này có xu hướng phân tích rủi ro kỹ lưỡng hơn (chi phí cơ hội, trách nhiệm pháp lý và sự phiền hà cá nhân), nên họ ngần ngại cam kết hành động thực tiễn.

Sự thiếu hụt vốn xã hội kết nối

Cuối cùng, khoảng cách này còn do sự lỏng lẻo của các mạng lưới kết nối tại địa phương. Mặc dù hệ thống chính trị - xã hội cơ sở tại Phú Thọ rất chặt chẽ, nhưng thiếu vắng các “cơ chế bắc cầu” để chuyển hóa lòng tốt cá nhân thành sức mạnh tập thể. Một người dân tại huyện Phù Ninh bày tỏ sự lúng túng khi muốn giúp đỡ nhưng không biết bắt đầu từ đâu:

“Tôi rất muốn giúp cụ già đầu ngõ, nhưng thú thật là không biết cụ cần gì nhất, mà hỏi thì cụ lại ngại. Giá như có một cái nhóm hay câu lạc bộ nào đó đứng ra bảo cụ này đang cần người đi chợ hộ hay cụ kia cần người trò chuyện buổi tối, thì những người như tôi sẵn sàng tham gia ngay.” (Nữ, 39 tuổi, giáo viên).

Khoảng trống về kỹ năng chuyên môn (nhận diện bệnh lý tuổi già như Alzheimer, trầm cảm) và thiếu kênh thông tin điều phối minh bạch khiến lòng thấu cảm của từng cá nhân trở nên lẻ loi tạo ra trạng huống chưa thể hình thành một hệ sinh thái an sinh cộng đồng bền vững. Một tình nguyện viên chữ thập đỏ tại địa phương nhận định:

“Đôi khi chúng tôi đến thăm, thấy các cụ nhớ nhớ quên quên, lúc cười lúc khóc, anh em cũng chỉ biết an ủi thôi chứ không biết đây là bệnh lý để có cách chăm sóc đúng. Sự thiếu kiến thức khiến chúng tôi sợ mình làm sai, đâm ra lòng thấu cảm chỉ dừng lại ở việc hỏi thăm xã giao chứ chưa dám can thiệp sâu vào y tế hay tâm lý.” (Nam, 29 tuổi, nhân viên văn phòng).

Chính sự thiếu hụt các kênh thông tin điều phối minh bạch đã khiến lòng thấu cảm của từng cá nhân trở nên lẻ loi, tạo ra trạng huống chưa thể hình thành một hệ sinh thái an sinh cộng đồng bền vững. Một cán bộ tổ dân phố thừa nhận:

“Nguồn lực trong dân mình lớn lắm, nhưng nó như những hạt cát rời rạc. Chúng ta đang thiếu một cái phễu để gom những tấm lòng đó lại. Khi không có sự điều phối, người dân họ thấy lẻ loi, họ sợ trách nhiệm một mình gánh không nổi nên đành chọn cách đứng từ xa nhìn vào” (Nam, 55 tuổi, cán bộ cơ sở).

5. Kết luận và hàm ý chính sách

5.1. Kết luận

Nghiên cứu về nhận thức và thái độ của cộng đồng đối với NCT neo đơn tại tỉnh Phú Thọ đã làm sáng tỏ một thực trạng mang tính nghịch lý, đó là sự tồn tại của khoảng cách thấu cảm trong hệ thống an sinh xã hội tại địa phương. Kết quả thực nghiệm cho thấy, dù cộng đồng duy trì một nền tảng đạo đức nhân văn bền vững với chỉ số thấu cảm cao ($M = 4,43$), đồng thời xác nhận việc chăm sóc NCT neo đơn là một chuẩn mực văn minh, nhưng các cam kết hành vi thực tế lại có sự phân hóa mạnh mẽ.

Nghiên cứu khẳng định, sự gián đoạn hành động không bắt nguồn từ trạng thái vô cảm xã hội mà chịu sự chi phối của các rào cản mang tính hệ thống, bao gồm: (1) Sự xung đột về thời gian trong bối cảnh kinh

tế thị trường; (2) Sự thiếu hụt các kỹ năng chăm sóc lão khoa chuyên biệt, và (3) Nỗi e ngại về trách nhiệm cá nhân đối với các rủi ro sức khỏe của đối tượng.

Nghiên cứu cũng phát hiện một biến số quan trọng, đó là trình độ học vấn và điều kiện kinh tế có xu hướng tỉ lệ nghịch với mức độ sẵn lòng hành động trực tiếp. Điều này được lý giải bởi sự gia tăng của tâm lý “thận trọng rủi ro” và phân tích chi phí cơ hội ở nhóm có học vấn cao. Nếu thiếu các cơ chế điều phối và hành lang pháp lý bảo vệ người tình nguyện, nguồn vốn xã hội tiềm năng này sẽ chỉ dừng lại ở mức độ cảm xúc thụ động. Điều này đặt ra thách thức lớn cho các hoạt động xây dựng một hệ thống an sinh xã hội dựa vào cộng đồng hiệu quả và bền vững tại tỉnh Phú Thọ trong tương lai.

5.2. Hàm ý chính sách

Dựa trên các “điểm nghẽn” được nhận diện thông qua dữ liệu thực nghiệm, nghiên cứu đề xuất một hệ thống giải pháp nhằm thu hẹp khoảng cách giữa thấu cảm và hành động tại tỉnh Phú Thọ:

Chuyển dịch mô hình từ hỗ trợ cá nhân sang mạng lưới tương trợ láng giềng. Chính quyền địa phương và hội NCT nên thúc đẩy mô hình hỗ trợ nhóm (ví dụ: nhóm 3-5 hộ gia đình cùng phụ trách 1 NCT neo đơn). Việc tổ chức theo nhóm không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn lực thời gian mà còn giải tỏa áp lực tâm lý thông qua cơ chế “trách nhiệm tập thể”, giúp giảm thiểu các rào cản về rủi ro pháp lý cá nhân.

Chuẩn hóa kỹ năng chăm sóc NCT thông qua thiết lập các chương trình tập huấn ngắn hạn về kỹ năng chăm sóc lão khoa (sơ cứu cơ bản, dinh dưỡng và tâm lý học tuổi già) dành riêng cho tình nguyện viên tại tổ dân phố. Các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực tự tin sẽ giúp người dân chuyển hóa sự thấu cảm thành hành động can thiệp y tế và tâm lý chính xác, loại bỏ tâm lý e ngại do thiếu chuyên môn.

Tỉnh Phú Thọ cần tích hợp dữ liệu về NCT neo đơn vào hệ thống quản lý an sinh điện tử cấp cơ sở. Minh bạch hóa nhu cầu (hỗ trợ y tế, mua sắm nhu yếu phẩm, hay tương tác xã hội) qua các nền tảng số (Zalo, ứng dụng công dân số địa phương) sẽ giúp tối ưu hóa việc kết nối giữa nguồn cung thiện nguyện và nhu cầu thực tế, tránh tình trạng thông tin bị phân tán.

Cần có các quy định cụ thể về vai trò “người giám hộ cộng đồng” để bảo vệ pháp lý cho những cá nhân tham gia hỗ trợ NCT trong các tình huống khẩn cấp. Đồng thời, chuẩn hóa cơ chế tôn vinh các “Gia đình/ cá nhân an sinh tiêu biểu” sẽ củng cố vốn xã hội liên kết, biến sự thấu cảm từ một trạng thái cảm xúc thành một chuẩn mực văn hóa lan tỏa trong cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Alici, N. K., & Kalanlar, B. (2021). Attitudes toward aging and loneliness among older adults: A mixed methods study. *Perspectives in Psychiatric Care*, 1-8.
- Bantry-White, E., O’Gorman, C., Gannon, B., Kelleher, C. C., & Kearney, P. M. (2022). *Older people’s neighborhood perceptions are related to social and emotional loneliness and mediated by social network type*. PubMed Central.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2020). *Báo cáo Đánh giá hiệu quả mô hình Câu lạc bộ người cao tuổi tự giúp nhau giai đoạn 2016-2020*. Hà Nội, Việt Nam.
- Mến, B.V. (2020). Đánh giá tính hiệu quả của chính sách trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi không có lương hưu ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 6(3), 20-30.
- Chen, M., Cao, X., Wang, A., Zhu, Y., Lu, G., Zhang, L., & Shen, L. A. (2024). Global perspective on risk factors for social isolation in community-dwelling older adults: A systematic review and meta-analysis. *Archives of Gerontology and Geriatrics*, 116, 105211.
- Chính phủ Việt Nam. (2021). *Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*. Hà Nội.
- Feng Tong, ChengLin Yu, LinSen Wang, Iris Chi, & Fang Fu. (2021). *Systematic Review of Efficacy of Interventions for Social Isolation of Older Adults*. Frontiers.
- HelpAge International. (2018). *Global AgeWatch Index 2018: Insight Report*.
- Jarvis, M., Gagliardi, C., White, A., Amlani, H., & Williams, L. (2020). *International Perspectives on Older Adult Social Isolation and Loneliness*. Frontiers.
- Văn, L.N & Huyền, N.T.T. (2022). Sự dễ bị tổn thương của người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số nhanh ở Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học*, 160(4), 88-99.
- Quỳnh, L.N. (2023). Sự cô đơn và sức khỏe tinh thần của người cao tuổi ở Việt Nam: Một nghiên cứu định lượng. *Tạp chí Y học Dự phòng*, 33(1), 10-21.
- National Academies of Sciences, Engineering, and Medicine. (2020). *Social Isolation and Loneliness in Older Adults: Opportunities for the Health Care System*. The National Academies Press.
- Lan, N.T.M. (2020). Vai trò của cộng đồng trong việc hỗ trợ người cao tuổi có hoàn cảnh khó khăn tại Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, 216, 55-68.
- Anh, N.T.N. (2020). Chính sách chăm sóc xã hội đối với người cao tuổi Việt Nam trong bối cảnh già hóa dân số. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 6(3), 45-58.
- Thùy, N.T.T. (2021). Ảnh hưởng của di cư đến sự cô lập xã hội của người cao tuổi ở nông thôn Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học*, 155(3), 112-125.
- Ngân, P.B & Thùy, N.T.T. (2023). Biến đổi giá trị gia đình và trách nhiệm chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học Xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 2(1), 70-85.
- Dương, P & Nga, Q. (2025). *Người già Việt Nam giữa khoảng trống an sinh*. VnExpress.
- Hương, T.T. (2025). Hình thành và phát triển hệ sinh thái chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam thích ứng với già hóa dân số. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*.
- World Bank. (2021). *The Demographic Transition and Its Implications in Vietnam: Ensuring an Age-Friendly Social and Economic System*.
- World Health Organization. (WHO). (2021). *Social isolation and loneliness among older people*.